

Bài 24 NẶN ĐỒ CHƠI (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các tiếng có âm dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương, đọc rõ ràng bài thơ, biết cách ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp. Hiểu nội dung bài thơ (về một trò chơi quen thuộc của trẻ thơ – nặn đồ chơi).
2. Nghe – viết đúng chính tả bài thơ (3 khổ thơ đầu); trình bày đúng khổ thơ, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *da/ gia, s/ x* hoặc *ươn/ ương*.
3. a. Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm của đồ chơi, luyện tập cách sử dụng dấu phẩy.
b. Viết được một đoạn văn tả đồ chơi.
4. Tìm và đọc mở rộng được một bài thơ hoặc một bài đồng dao về đồ chơi, trò chơi, chia sẻ với bạn được tên và cách chơi đồ chơi đó.
5. a. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong việc kể, tả về đặc điểm của các đồ chơi quen thuộc, gắn gũi ở xung quanh.
b. Biết chia sẻ khi chơi, biết quan tâm đến người khác bằng những hành động đơn giản.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- Đặc điểm VB thơ (thể thơ, cách ngắt nhịp, vần,...).
- Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh minh hoạ bài tập luyện từ (bài 1 phần *Luyện tập*) in trên giấy khổ lớn, hoặc chiếu trên màn hình.
- Phiếu học tập: có thể làm phiếu bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS nhắc lại tên bài học trước (*Rồng rắn lên mây*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV hướng dẫn cả lớp quan sát tranh phần khởi động và nêu nội dung tranh (Trong tranh vẽ các bạn HS đang tham gia trại hè Trò chơi dân gian, các bạn đang chơi nhiều trò chơi như rồng rắn lên mây, ô ăn quan, cuội ngựa nhong nhong).
- GV đặt câu hỏi: “Em còn biết những trò chơi nào khác?” và hướng dẫn HS thảo luận nhóm.
- Cặp/ nhóm:
 - + Từng HS kể tên các trò chơi mà mình biết hoặc vẫn thường chơi.
 - + HS có thể thi trong nhóm xem bạn nào kể được nhiều tên trò chơi nhất.
- GV khuyến khích HS kể được nhiều tên trò chơi, bao gồm cả các trò chơi dân gian và trò chơi hiện đại.
- GV dẫn vào bài đọc (một bài thơ về trò chơi quen thuộc và thú vị – nặn đồ chơi).

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
 - + HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc (có em bé đang ngồi nặn đồ chơi, có bạn và chú mèo ngồi bên cạnh, trong khung cảnh hiên nhà có cây che mát).
 - + GV đọc mẫu toàn VB. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. (VD: nhấn giọng khi liệt kê đồ chơi *Này là,...* hoặc trong lời dặn mọi người *Đừng sờ vào đấy*). HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

- + GV hướng dẫn HS cách ngắt nghỉ mỗi dòng thơ và nghỉ hơi giữa mỗi khổ thơ.
- + GV hướng dẫn HS luyện đọc một số tiếng có thể gây nhầm lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương như: *vầy, là, na, nặn, vênh,...*
- + GV mời 2 HS đọc luân phiên từng đoạn trước lớp để HS biết cách đọc theo cặp.
- + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB ở mục *Từ ngữ*.
- Luyện đọc theo nhóm/ cặp:
- + HS đọc nối tiếp theo cặp như các HS đã đọc mẫu trước lớp.
- Luyện đọc cá nhân: Từng em tự luyện đọc toàn bộ bài đọc.
- GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. Kể tên những đồ chơi bé đã nặn.

- HS làm việc cá nhân và nhóm:
- + Từng HS đọc lại khổ 2, 3 và 4 để tìm đáp án.
- + HS trao đổi thống nhất đáp án trong nhóm.
- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trả lời. Các nhóm khác có thể bổ sung đáp án nếu thấy chưa đầy đủ.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. (Những đồ chơi bé đã nặn là: *quả na, quả thị, con chuột, cối giã trấu.*)

Câu 2. Bé nặn đồ chơi để tặng cho những ai?

- HS làm việc cá nhân và nhóm:
- + Từng em đọc lại khổ 2, 3 và 4 để tìm câu trả lời.
- + HS trao đổi và thống nhất đáp án trong nhóm.
- GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. (Bé nặn đồ chơi tặng mẹ, tặng cha, tặng bà, tặng chú mèo.)

Câu 3. Việc bé nặn đồ chơi tặng mọi người thể hiện điều gì?

- Cả lớp:
- + GV có thể gợi ý: Việc tặng đồ chơi cho thấy tình cảm của bé với mọi người như thế nào?
- HS làm việc cá nhân và nhóm:
- + Từng HS nêu suy nghĩ cá nhân của mình.
- + HS trao đổi và thống nhất đáp án trong nhóm.
- GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. Các HS có thể trả lời khác nhau do cách gọi tên cảm xúc khác nhau. Các đáp án hợp lý đều được chấp nhận.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Việc bé nặn đồ chơi tặng mọi người thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm đến người thân trong gia đình của bé.)

Câu 4. *Em thích nặn đồ chơi gì? Dành cho ai?*

– HS làm việc chung cả lớp: Đây là câu hỏi liên hệ bản thân, HS tự do trả lời. Đối với HS chưa bao giờ chơi nặn đồ chơi, GV có thể gợi mở câu hỏi khác. (VD: *Nếu được nặn đồ chơi, em sẽ nặn đồ chơi gì? Em muốn dành tặng đồ chơi đó cho ai?*)

– GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. *Tìm từ ngữ cho biết chú mèo rất vui vì được bé tặng quà.*

– HS làm việc chung cả lớp:

+ GV yêu cầu HS đọc thầm câu hỏi.

+ GV hướng dẫn HS đọc lại khổ 4 để tìm câu trả lời.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời, cả lớp lắng nghe và góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (*thích chí*)

Câu 2. *Tìm thêm từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng.*

– Cả lớp:

+ GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm để tìm thêm các từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng khác.

+ GV khuyến khích HS tìm được càng nhiều từ càng tốt (các từ chỉ cảm xúc “vui” nói chung).

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Từng HS tự tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng khác theo ý của mình.

+ Từng HS nêu đáp án, HS sau nhận xét và bổ sung cho HS trước.

+ Cả nhóm thống nhất các đáp án.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV ghi các từ đúng mà các nhóm đã tìm được lên bảng. (VD: vui vẻ, mừng rỡ, hớn hờ, phấn khởi,...)

– GV nhận xét tiết học.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết (3 khổ thơ đầu bài thơ *Nặn đồ chơi*).

– GV đọc một lần các đoạn thơ sẽ viết chính tả cho HS nghe.

- GV mời 1 – 2 HS đọc lại trước lớp.
- GV hướng dẫn HS :
 - + Quan sát những dấu câu có trong đoạn thơ sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn thơ trên màn hình), giúp các em biết nêu tên các dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy.
 - + Viết hoa tên bài, viết hoa chữ đầu mỗi dòng thơ. Chữ đầu mỗi dòng thơ viết cách lề vở 2 ô li.
 - + Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. VD: *tròn xoe, già trâu, thích chí,...; vầy đuôi, vênh râu,...*
- GV đọc tên bài, đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở.
- GV đọc lại đoạn thơ cho HS soát lại bài viết. Sau khi hoàn thành bài nghe – viết, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.
- GV nhận xét một số bài trên lớp, động viên, khen ngợi các em.

2. Ghép *da* hoặc *gia* với các tiếng để tạo thành từ ngữ đúng. Viết 3 từ ngữ vào vở.

- Cả lớp:
 - + Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
 - + GV chiếu/ dán các tiếng rời lên bảng.
- Cặp/ nhóm:
 - + HS thảo luận nhóm đôi để tìm đáp án đúng.
 - + Đại diện các nhóm lên bảng ghép các tiếng thành từ ngữ có nghĩa. Các nhóm khác và GV nhận xét, tổng kết đáp án (*cặp da, gia vị, gia đình, gia cầm, da dê*). Một số HS đọc to đáp án.
 - HS chọn 3 từ ngữ tạo được viết vào vở.

3. Chọn a hoặc b.

GV chọn cho HS làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn từ ngữ thích hợp thay cho ô vuông.

- GV linh hoạt tổ chức các hoạt động dạy học cho sinh động và hiệu quả. (Đáp án: Kéo cửa **lừa xẻ**; Múa **sạp**.)
- GV giải thích về hai trò chơi vừa được điền đúng tên. GV có thể cho HS chơi Kéo cửa lừa xẻ tại chỗ với bạn ngồi cạnh để tạo không khí vui vẻ.

*b. Chọn **ươn** hoặc **ương** thay cho ô vuông.*

GV linh hoạt tổ chức hoạt động dạy học cho sinh động và hiệu quả. (Đáp án: Con **đường** uốn **lượn** quanh **sườn** núi.; Hoa **hương** **dương** **vươn** mình đón ánh nắng mặt trời.)

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Giới thiệu về một đồ chơi có trong hình theo mẫu.

- HS làm việc cặp/ nhóm:
- + Quan sát tranh.
- + Mỗi HS chọn một đồ chơi trong tranh.
- + GV hướng dẫn HS: Với mỗi đồ chơi được chọn, HS quan sát thật kỹ để tìm từ chỉ đặc điểm tương ứng (các đặc điểm có thể là hình dạng, màu sắc,... VD: Chiếc đèn ông sao - nhiều màu rực rỡ; Chiếc chong chóng - hình bông hoa 4 cánh,...).
- + Từng HS nói trong nhóm.
- GV mời đại diện 3 - 4 nhóm chia sẻ trước lớp.
- GV tổng hợp kết quả bài tập.

2. Đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong câu.

- Cả lớp:
- + GV mời một HS đọc câu mẫu.
- + GV hướng dẫn HS chú ý công dụng của dấu phẩy trong câu mẫu (ngăn cách giữa hai từ: *mềm mại* và *dễ thương*; 2 từ này có cùng chức năng là chỉ đặc điểm của đồ chơi).
- Cặp/ nhóm:
- + HS đọc thành tiếng từng câu trong bài tập.
- + HS xác định ranh giới giữa các từ, cụm từ trong câu.
- + HS xác định các từ/ cụm từ cùng chức năng nhưng chưa được ngăn cách bởi dấu phẩy (VD: câu a có *ô tô* và *máy bay*, câu b có *đèn ông sao* và *điều giấy* đều chỉ tên đồ chơi, câu c có *đá bóng*, *đá cầu*, *nhảy dây* đều nêu hoạt động).
- + HS thử đặt dấu phẩy và đọc thành tiếng lại 2 - 3 lần nữa trong nhóm (ngắt nghỉ ở chỗ có dấu phẩy) để kiểm tra sự phù hợp.
- GV mời đại diện 3 - 4 nhóm chia sẻ trước lớp.
- GV và HS thống nhất đáp án. (a. Em thích đồ chơi ô tô, máy bay.; b. Bố dạy em làm đèn ông sao, điều giấy.; c. Các bạn đá bóng, đá cầu, nhảy dây trên sân trường.)

3. Đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong câu in nghiêng.

- GV tổ chức hình thức dạy học như ở câu 2.
- GV và HS thống nhất câu trả lời. (Hôm nay là sinh nhật của Chi. Chi nhận được bao nhiêu là quà: búp bê, hộp đựng bút, đồng hồ báo thức và chiếc nơ hồng. Chi rất vui và cảm động.)

TIẾT 5 – 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Kể tên những đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất? Vì sao?

- HS trao đổi nhóm về các nội dung:
- + Lần lượt các HS kể tên những đồ chơi của mình.
- + Mỗi HS lựa chọn một đồ chơi mình thích nhất.
- + Nêu lí do vì sao thích đồ chơi đó.
- Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. GV khuyến khích HS nói được lí do mà HS thích đồ chơi đó.

2. Viết 3 – 4 câu tả một đồ chơi của em.

- HS trao đổi nhóm:
- + Mỗi HS chọn một đồ chơi.
- + Từng HS nói trong nhóm về đồ chơi mà mình đã lựa chọn theo gợi ý trong SHS.
- + Các HS khác trong nhóm nhận xét, góp ý.
- Dựa vào kết quả trao đổi nhóm, từng HS viết vào vở 3 – 4 câu tả một đồ chơi. HS có thể viết nhiều hơn 3 – 4 câu tùy theo khả năng.
- HS tự đọc lại và sửa đoạn văn đã viết.
- HS đổi bài trong nhóm để sửa bài cho nhau.
- GV cho 2 – 3 HS đọc bài trước lớp.
- GV nhận xét bài và khen ngợi HS tích cực, cố gắng trong việc luyện viết.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc một bài đồng dao về một đồ chơi, trò chơi.

- (Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ/ bài đồng dao về một đồ chơi, trò chơi. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ/ bài đồng dao phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp hoặc mượn trong thư viện trường) và cho HS đọc ngay tại lớp).
- Một số (2 – 3) HS đọc khổ thơ/ bài đồng dao trước lớp.
 - GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách đọc thơ, đồng dao hấp dẫn, thú vị. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.
 - GV có thể cho HS bình chọn các bài thơ hoặc đồng dao hay. HS trong lớp có thể tìm đọc thêm (hoặc nếu HS mang sách đến lớp thì GV khuyến khích HS trao đổi sách để mở rộng nội dung đọc).

– GV lưu ý: HS đã rất quen thuộc với các bài đồng dao khi chơi trò chơi từ mầm non, nhưng các em không biết đó là các bài đồng dao. Vì vậy, GV nên giải thích cho các em hoặc đọc mẫu một bài (như gợi ý bằng lời trong tranh ở SHS về trò chơi Nu na nu nống, hoặc các bài đồng dao quen thuộc với trẻ như: Chi chi chành chành, Kéo cửa lửa xè, Tập tầm vông, Lộn cầu vồng,...).

2. Nói với bạn: Tên của đồ chơi, trò chơi; Cách chơi đồ chơi, trò chơi.

HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 3, nhóm 4.

– Từng HS đọc bài thơ hoặc đồng dao đã đọc cho nhóm nghe.

– HS trao đổi trong nhóm về:

- Tên của đồ chơi, trò chơi.
- Cách chơi đồ chơi, trò chơi.

Trong bài thơ hoặc đồng dao mà mình vừa đọc.

– Các HS khác trong nhóm nhận xét, góp ý.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.

– Sau bài *Nặn đồ chơi*, các em đã:

+ Đọc – hiểu bài *Nặn đồ chơi*.

+ Nghe – viết đúng đoạn chính tả *Nặn đồ chơi*, làm bài tập chính tả.

+ Biết cách sử dụng dấu phẩy.

+ Biết viết đoạn tả đồ chơi.

– HS nêu ý kiến về bài học (Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

– GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

– Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.